TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Chỉnh

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu nộp cho Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khai rằng chị và anh Hoàng Văn V đăng ký kết hôn ngày 21/02/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn nên thường cãi vã. Anh V nghiện rượu, cờ bạc, vay nợ nhiều lần. Chị T có cho chồng cơ hội nhưng anh V vẫn không sửa đổi tính cách. Anh V không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với gia đình. Vì vậy vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân mỗi người một nơi từ ngày 06/9/2020 đến nay. Do đó, chị T xin ly hôn anh V. Vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Quang Bình đã thực hiện việc tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Hoàng Văn V theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Quang Bình không nhận được văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào từ anh V và anh V cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh V; không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung do đương sự không yêu cầu; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn V đăng ký kết hôn ngày 21/02/2019, là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Chị T cũng như các tài liệu, chứng cứ mà chị T đã nộp cho Tòa án thì Tòa án thấy vợ chồng chị T và anh V đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020; anh V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ vợ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, không có tình nghĩa vợ chồng đối với chị T như theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị T ly hôn anh V.

[2] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Hoàng Văn V.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004012 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mai Hồng